

Số: 2601578ĐKLH/HTTB-ĐKKD

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC LOẠI C, D**

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thiết bị y tế thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và quy định về mẫu văn bản, báo cáo thực hiện quản lý thiết bị y tế.

Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế - Bộ Y tế cấp chứng nhận đăng ký lưu hành cho thiết bị y tế (mới 100%) như sau:

1. Tên thiết bị y tế: Bộ nẹp, vít dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
2. Tên thương mại (nếu có):
3. Mã Global Medical Device Nomenclature - GMDN (nếu có):
4. Loại thiết bị y tế: TBYT Loại C
5. Tên, địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị y tế: TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI, Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR, TURKEY
6. Tên, địa chỉ của chủ sở hữu số lưu hành: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO, 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.
7. Mục đích sử dụng; Tên, địa chỉ cơ sở bảo hành: Theo phụ lục đính kèm.
8. Thông tin chi tiết thiết bị y tế (Chủng loại; Mã sản phẩm; Quy cách đóng gói; Tên cơ sở sản xuất; Địa chỉ cơ sở sản xuất và Nước sản xuất): Theo phụ lục đính kèm.

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số
ngày 07 tháng 05 năm 2026./.

88/QĐ-HTTB

Nơi nhận:

- TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, ĐKKD.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Minh Lợi

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Mục đích sử dụng:

Dùng để cố định tạm thời, điều chỉnh hoặc cố định xương trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình

2. Tên, địa chỉ cơ sở bảo hành:

3. Thông tin chi tiết thiết bị y tế:

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
1	Vít xương cứng	1.5 Small Cortical Screw, Titanium	062769; 062776; 062783; 062790; 062806; 062813; 062820; 062837; 062844; 062851		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
2	Vít xương cứng	2.0 Small Cortical Screw, Titanium	062486; 062493; 062509; 062516; 062523; 062530; 062547; 062554; 062561; 062578; 062585; 062592; 062608; 062615; 062622; 062639; 062646; 062653		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
3	Vít xương cứng tự taro	2.4 Small Cortical Screw, Self Tapping Titanium	070900; 070764; 070771; 070870; 070894; 070788; 070795; 070801; 070887; 070917; 070818; 070825; 070832; 070924; 070849; 070856; 070863		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
4	Vít xương cứng	2.7 Small Cortical Screw,	062134; 062141; 062158;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		Titanium	062165; 062172; 062189; 062196; 062202; 062219; 062226; 062233; 062240; 062257; 062264; 062271; 062288; 062295		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	
5	Vít khóa xương cứng tự taro	2.7 Small Cortical Screw For Locking Plate, Self Tapping, Titanium	067733; 067740; 067757; 067764; 067771; 067788; 067795; 067801; 067818; 067825; 067832; 067849; 067856; 067863; 067870; 067887		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
6	Vít xương cứng	3.5 Small Cortical Screw, Pitch 1.75, Titanium	073321; 073338; 073345; 073352; 073369; 073376; 073383; 073390; 073406; 073413; 073420; 073437; 073444; 073451; 073468; 073475; 065845; 065852; 065784; 065807; 073598; 073604; 073611; 073628; 073635; 073642		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
7	Vít xương cứng tự taro	3.5 Small Cortical Screw, Pitch 1.75, Self Tapping, Titanium	061427; 061434; 061441; 061458; 061465; 061472; 061489; 061496; 061502; 061519; 061526; 061533; 061540; 061557; 061564; 061571; 118930; 118947; 061588; 118954; 118961; 061595; 118978; 118985; 136675; 118992; 119005;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			119012; 136415; 136422; 136439; 136446; 136453; 136460; 136477; 136484; 136491; 136507				
8	Vít xương cứng	3.5 Small Cortical Screw, Pitch 1.25, Titanium	061786; 061793; 061809; 061816; 061823; 061830; 061847; 061854; 061861; 061878; 061885; 061892; 061908; 061915; 061922; 061939; 075820; 075837; 061946; 075844; 075851; 061953; 075868; 075875; 075882; 075899; 075905; 075912; 075929; 075936; 075943; 075950; 075967; 075974		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
9	Vít xương cứng tự taro	3.5 Small Cortical Screw, Pitch 1.25, Self Tapping, Titanium	388593; 073925; 073932; 388609; 073949; 073956; 388616; 073970; 388623; 388630; 388647; 388654; 388661; 388562; 388579; 388586		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
10	Vít khóa xương cứng tự taro	3.5 Small Cortical Screw For Locking Plate, Pitch 1.25, Self Tapping, Titanium	073659; 073666; 073673; 073680; 073697; 073703; 073710; 073727; 073734; 073741; 073758; 073765; 073772; 073789; 073796; 073802; 073819; 073826; 073833; 073840; 073857;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			073864; 073871; 073888; 445241; 073895; 073901; 073918; 445258; 445265; 445272; 445289; 445296; 445302; 445319; 445326; 445333; 445340; 445357; 445364; 445371; 445388				
11	Vít xương cứng tự taro	4.5 Minimal Invaziv Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	078265; 078272; 078289; 078296; 078302; 078319; 078326; 078333; 078340; 078357; 078364; 078371; 078388; 078395; 078401; 078418; 078425; 078432; 078449; 078456; 078463; 078470; 078487; 078494; 078500; 078517; 341383; 341390; 341406; 341413; 341420; 341437; 341444; 341451; 341468; 341475; 341482; 341499; 341505; 341512; 341529		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
12	Vít xương cứng	4.5 Cortical Screw, Titanium	060314; 060321; 060338; 060345; 060352; 060369; 060376; 060383; 060390; 060406; 060413; 060420; 060437; 060444; 060451; 060468; 060475; 060482; 060499; 060505; 060512; 060529; 060536; 075981; 060543; 060550; 060567;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			060574; 060581; 075998; 060598; 060604; 060611; 076001; 076018; 076025; 076032				
13	Vít xương cứng tự taro	4.5 Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	060932; 060949; 060956; 060963; 060970; 060987; 060994; 061007; 361503; 061014; 061021; 061038; 061045; 061052; 361497; 061069; 061076; 061083; 061090; 061106; 361480; 061113; 061120; 061137; 061144; 061151; 158516; 061168; 061175; 061182; 061199; 061205; 123934; 061212; 061229; 061236; 122654; 122661; 122678; 122685; 048374; 048381		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
14	Vít xương cứng tự taro	2.7 Pelvic Small Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	227830; 227847; 227854; 227861; 227878; 227885; 227892; 227908; 227915; 227922; 227939; 388142; 388159; 227960; 227977; 227984		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
15	Vít xương cứng tự taro	4.0 Pelvic Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	445197; 445180; 445173; 445166; 445159; 445142; 445135; 445128; 445111; 445104; 445098; 445081; 445074; 445067; 445050;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			445043; 445036; 445029; 445012; 445005; 444992; 444985; 444978; 444961; 445227; 445210; 445203		TICARET LTD.ŞTI		
16	Vít xương cứng tự taro	4.5 Pelvic Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	342588; 342595; 342601; 342618; 342625; 342632; 342649; 342656; 342663; 342670; 342687; 342694; 342700; 342717; 342724; 342731; 342748; 342755; 342762; 342779; 342786; 342793; 342809; 342816; 342823; 342830; 342847; 342557; 342564; 342571		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
17	Vít xương xốp tự taro, ren toàn phần	4.0 Small Cancellous Screw, Self Tapping, Full Threaded, Titanium	064527; 064534; 064541; 064558; 064565; 064572; 064589; 064596; 064602; 064619; 064626; 064633; 064640; 445395; 064657; 064664; 064671; 064688; 064695; 445401; 064701; 064718; 064725; 064732; 064749; 445418; 064756; 064763; 064770; 445425; 445432; 445449; 445456; 445463; 445470; 445487; 445494; 445500; 445517		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
18	Vít xương xốp tự taro, ren bán phần	4.0 Small Cancellous Screw, Self Tapping, Partial	065234; 065241; 065258; 065265; 065272; 065289;		TIPMED TIBBI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		Threaded, Titanium	065296; 065302; 065319; 065326; 065333; 076049; 076056; 065340; 076063; 076070; 065357; 076087; 076094; 065364; 076100; 076117; 065371; 076124; 076131; 076148; 076155; 076162; 076179; 076186; 076193		MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	No:16 Bornova IZMIR	
19	Vít xương xốp, ren bán phần	5.0 Cancellous Screw, 32 Threaded, Titanium	122807; 122814; 122821; 122838; 122845; 122852; 122876; 122883; 122890; 122906; 122913; 122920; 122937; 122944; 122951; 122968		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
20	Vít xương xốp, ren bán phần	6.5 Cancellous Screw, 16 Threaded, Titanium	455868; 455875; 455882; 455899; 455905; 455912; 455929; 455936; 455943; 455950; 455967; 455974; 455981; 455998; 456001; 456018; 456025; 456032; 456049; 456056		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
21	Vít xương xốp, ren bán phần	6.5 Cancellous Screw, 32 Threaded, Titanium	456063; 456070; 456087; 456094; 456100; 456117; 456124; 456131; 456148; 456155; 456162; 456179; 456186; 456193; 456209; 456216; 456223; 456230; 456247; 456254		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
22	Vít xương xóp, ren toàn phần	6.5 Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	456261; 456278; 456285; 456292; 456308; 456315; 456322; 456339; 456346; 456353; 456360; 456377; 456384; 456391; 456407; 456414; 456421; 456438; 456445; 456452		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
23	Vít xương xóp tự taro, ren bán phần	6.5 Cancellous Screw, Self Tapping, 16 Threaded, Titanium	063056; 063063; 063070; 063087; 063094; 063100; 063117; 063124; 063131; 063148; 063155; 063162; 063179; 063186; 063193; 063209; 063216; 063223; 063230; 065890		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
24	Vít xương xóp tự taro, ren bán phần	6.5 Cancellous Screw, Self Tapping, 32 Threaded, Titanium	063438; 063445; 063452; 063469; 063476; 063483; 063490; 063506; 063513; 063520; 063537; 063544; 063551; 063568; 063575; 063582; 063599; 063605; 063612; 065906		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
25	Vít xương xóp tự taro, ren toàn phần	6.5 Cancellous Screw, Self Tapping, Full Threaded, Titanium	063810; 063827; 063834; 063841; 063858; 063865; 063872; 063889; 063896; 063902; 063919; 063926; 063933; 063940; 063957;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			063964; 063971; 063988; 063995; 067191		TICARET LTD.ŞTI		
26	Vít rỗng nòng	3.5 Cannulated Screw, Titanium	135173; 135180; 135197; 135203; 135210; 135227; 135234; 135241; 135258; 067375		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
27	Vít rỗng nòng	4.0 Cannulated Screw, Titanium	064930; 064947; 064954; 064961; 064978; 064985; 064992; 065005; 065012; 065029; 065036; 065043; 065050; 065067; 065074; 075363; 075370; 126867; 126874		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
28	Vít rỗng nòng	4.5 Cannulated Screw, Titanium	064138; 064145; 064152; 064169; 064176; 064183; 064190; 064206; 064213; 064220; 064237; 064244; 064251		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
29	Vít rỗng nòng, ren bán phần	6.5 Cannulated Screw, 16 Threaded, Titanium	075165; 137429; 075189; 075196; 137450; 137467; 137474; 137481; 137498; 137504; 137511; 137528; 137535; 137542; 137559; 137566; 137573; 137580;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			137597; 137603		LTD.ŞTI		
30	Vít rộng nòng, ren bán phần	6.5 Cannulated Screw, 32 Threaded, Titanium	137610; 137627; 137634; 137641; 137658; 137665; 137672		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
31	Vít rộng nòng, ren toàn phần	6.5 Cannulated Screw, Full Threaded, Titanium	137979; 137986; 137993; 138006; 138013; 138020; 138037; 138044; 138051; 138068; 138075; 138082; 138099; 138105; 138112; 138129; 138136; 138143; 138150; 138167		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
32	Vít rộng nòng, ren bán phần	7.0 Cannulated Screw, 16 Threaded, Titanium	123385; 123392; 123408; 123415; 123422; 123439; 123446; 123453; 123460; 123477; 123484; 123491; 123507; 123514; 123521; 123538; 123545; 123552; 123569; 137870		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
33	Vít rộng nòng, ren bán phần	7.0 Cannulated Screw, 32 Threaded, Titanium	123576; 123583; 123590; 123606; 123613; 123620; 123637; 123644; 123651; 123668; 123675; 123682; 123699; 123705; 123712; 123729; 123736; 123743;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			123750; 137887		LTD.ŞTI		
34	Vít rỗng nòng, ren toàn phần	7.0 Cannulated Screw, Full Threaded, Titanium	128694; 128700; 128717; 128724; 128731; 128748; 128755; 128762; 128779; 128786; 128793; 128809; 128816; 128823; 128830; 128847; 128854; 128861; 137832; 137894		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
35	Vít cố định mắt cá chân	4.5 Malleolar Screw, Titanium	128397; 128403; 128410; 128427; 128434; 128441; 128458; 128465; 128472; 128489; 128496; 128502; 128519		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
36	Vít nén ép rỗng nòng	2.7 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	067207; 067214; 067221; 067238; 067245; 067252; 067269; 067276; 067283; 067290; 067306		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
37	Vít nén ép rỗng nòng	3.0 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	158523; 158530; 158547; 141778; 158554; 141785; 158561; 141792; 141808; 141815; 141822; 141839; 141846; 141853; 141860; 141877; 141884; 141891; 085560		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
38	Vít nén ép rộng nòng	3.5 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	141907; 141914; 141921; 141938; 141945; 141952; 141969; 141976; 141983; 141990; 142003; 142010; 142027; 142034; 142041; 085591; 085607		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
39	Vít nén ép rộng nòng	4.0 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	142058; 142065; 142072; 142089; 142096; 142102; 142119; 142126; 142133; 142140; 142157; 142164		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
40	Vít nén ép rộng nòng	5.0 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	142294; 142300; 142317; 142324; 142331; 142348; 142355; 142362; 142379; 142386; 142393; 142409; 142416		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
41	Vít nén ép rộng nòng	5.5 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	145516; 145523; 145530; 145547; 145554; 145561; 145578; 145585; 145592; 145608; 145615; 145622; 145639		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
42							

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	Vít nén ép rộng nòng	6.0 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	145646; 145653; 145660; 145677; 145684; 145691; 145707; 145714; 145721; 145738; 145745; 145752; 145769		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
43	Vít nén ép rộng nòng	6.5 Headless Cannulated Tapered Compression Screw, Titanium	145776; 145783; 145790; 145806; 145813; 145820; 145837; 145844; 145851; 145868; 145875; 145882; 145899; 156765; 156772		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
44	Vít rộng nòng, ren toàn phần	7.0 Cannulated Interference Screw, Full Threaded, Titanium	066194; 066200; 066217; 066224; 066231		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
45	Vít rộng nòng, ren toàn phần	8.0 Cannulated Interference Screw, Full Threaded, Titanium	066248; 066255; 066262; 066279; 066286		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
46	Vít rộng nòng, ren toàn phần	9.0 Cannulated Interference Screw, Full Threaded, Titanium	066293; 066309; 066316; 066323; 066330		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
47	Vít rỗng nòng, ren toàn phần	10.0 Cannulated Interference Screw, Full Threaded, Titanium	066347; 066354; 066361; 066378; 066385		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
48	Vít Herbert	Herbert Screw, Titanium	073987; 073994; 066040; 066057; 066064; 066071; 066088; 066095; 066101; 066118		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
49	Vít Herbert rỗng nòng	Cannulated Herbert Screw, Titanium	124986; 124993; 070610; 070627; 070634; 070641; 070658; 070665; 070672; 070689		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
50	Vít rỗng nòng tự taro	Osteotomy Cannulated Screw, Self Tapping, Titanium	029021; 029038; 029045; 029052; 029069; 029076; 029083; 029090; 029106; 029113; 029120; 029137; 029144; 029151; 029168		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
51	Vít xương cứng Cortex	2.0 Cortex Screw, Titanium	159452; 066132; 066149; 066156; 066163; 066170; 066187; 065814		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
52	Vít khóa xương cứng	2.0 Locking Small Cortical Screw, Titanium	053118; 053132; 053156; 053170; 053194; 053217; 053231; 053255		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
53	Vít khóa xương cứng tự taro	2.4 Locking Small Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	071075; 070931; 070948; 071044; 071068; 070955; 070962; 070979; 071051; 071082; 070986; 070993; 071006; 071099; 071013; 071020; 071037		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
54	Vít khóa xương cứng tự taro	2.7 Locking Small Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	142447; 142454; 142461; 142478; 142485; 142492; 142508; 142515; 142522; 142539; 142546; 142553; 142560; 142577; 142584; 142591; 142607		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
55	Vít khóa xương	3.5 Locking Cortical Screw,	116950; 116967; 116974;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	cứng tự taro	Self Tapping, Titanium	116981; 116998; 118749; 118756; 118763; 118770; 118787; 117056; 117063; 117070; 117087; 117094; 117001; 119029; 119036; 117018; 119043; 119050; 117025; 119067; 119074; 133667; 119081; 119098; 119104; 133674; 133681; 133698; 445524; 445531; 445548; 445555; 445562; 445579; 445586		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	
56	Vít khóa xương cứng tự taro	4.5 Locking Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	116646; 116653; 116660; 116677; 116684; 116691; 116707; 116714; 067443; 116721; 116738; 116745; 116752; 116769; 067450; 116776; 116783; 116790; 116806; 116813; 133650; 116820; 116837; 116844; 116851; 116868; 123941; 116875; 116882; 116899; 116905; 116912; 123927; 116929; 116936; 116943; 122692; 122708; 122715; 122722; 048398; 048404; 346906		TİPMED TİBBİ MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
57	Vít khóa xương cứng rỗng nòng, tự taro	2.7 Locking Cannulated Small Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	067894; 385400; 385417; 385424; 385431; 385448; 385455; 067962; 067979;		TİPMED TİBBİ MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			067986; 067993		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
58	Vít khóa xương cứng rỗng nòng	3.5 Locking Cannulated Small Cortical Screw, Titanium	086581; 086598; 086604; 086611; 086628; 068419; 086635; 086642; 068426; 086659; 086666; 068433; 068440; 068457; 068464; 068471; 068488; 068495		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
59	Vít khóa xương cứng rỗng nòng	4.5 Locking Cannulated Cortical Screw, Titanium	384298; 384304; 068693; 384311; 384328; 068709; 384335; 384342; 068716; 384359; 068723; 068730; 068747; 068754; 068761; 068778; 068785; 068792; 068808; 068815; 068822; 068839		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
60	Vít khóa xương cứng tự tào	2.7 Pelvic Locking Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	445234; 227687; 227694; 227700; 227717; 227724; 227731; 227748; 227755; 227762; 227779; 227786; 227793; 227809; 227816; 227823		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
61	Vít khóa xương cứng tự tào	4.0 Pelvic Locking Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	444923; 444916; 444909; 444893; 444886; 444879; 444862; 444855; 444848; 444831; 444824; 444817;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			444800; 444794; 444787; 444770; 444763; 444756; 444749; 444732; 444725; 444718; 444701; 444695; 444954; 444947; 444930		SANAYI TICARET LTD.ŞTI		
62	Vít khóa xương cứng tự taro	4.5 Pelvic Locking Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	343981; 343998; 344001; 344018; 344025; 344032; 344049; 344056; 344063; 344070; 344087; 344094; 344100; 344117; 344124; 344131; 344148; 344155; 344162; 344179; 344186; 344193; 344209; 344216; 344223; 344230; 344247; 343950; 343967; 343974		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
63	Vít khóa xương xốp, ren toàn phần	4.0 Locking Small Cancellous Screw, Full Threadeded, Titanium	087151; 087168; 087175; 087182; 087199; 087205; 087212; 087229; 087236; 087243		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
64	Vít khóa xương xốp, ren toàn phần	4.0 Locking Small Cancellous Screw, Full Threadeded, Titanium	117803; 117810; 117827; 117834; 117841; 117858; 117865; 117872; 117889; 117896; 117902; 117919; 117926; 081913; 117933; 117940; 117957; 117964; 117971; 067405; 117988; 117995; 118831; 118848;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			118855; 118862; 118879; 118053				
65	Vít khóa xương xốp, ren bán phần	4.0 Locking Small Cannulated Cancellous Screw, Partial Threaded, Titanium	078142; 078159; 078166; 078173; 078180; 078197; 078203; 078210; 078227; 078234; 078241; 078258		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
66	Vít khóa xương xốp, ren bán phần	4.0 Locking Cancellous Screw, Partial Threaded, Titanium	117650; 117667; 117674; 117681; 117698; 117704; 117711; 117728; 117735; 117742; 117759; 117766; 117773; 117780; 117797		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
67	Vít khóa xương xốp, ren bán phần	5.0 Locking Cancellous Screw, 32 Threaded, Titanium	068181; 068198; 068204; 122975; 122982; 122999; 123002; 123019; 123026; 123033; 123040; 123057; 123064; 123071; 123088; 123095; 123101; 123118; 123125; 123132		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
68	Vít khóa xương xốp, ren toàn phần	5.5 Locking Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	045830; 045847; 045854; 045861; 045878; 045885; 045892; 045908; 045915; 045922; 045939; 045946; 045953; 045960; 045977; 045984; 045991; 046004; 046011; 046028		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
69	Vít khóa xương xốp rỗng nòng	5.5 Locking Cannulated Cancellous Screw, Titanium	046035; 046042; 046059; 046066; 046073; 046080; 046097; 046103; 046110; 046127; 046134; 046141; 046158; 046165; 046172; 046189; 046196; 046202; 046219; 046226		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
70	Vít khóa xương xốp, ren bán phần	6.5 Locking Cancellous Screw, 16 Threaded, Titanium	117179; 117186; 117193; 117100; 117117; 117124; 117131; 117148; 117254; 117261; 117278; 117285; 117292; 117209; 117216; 117032; 117049; 117155; 117162; 075011		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
71	Vít khóa xương xốp, ren bán phần	6.5 Locking Cancellous Screw, 32 Threaded, Titanium	067467; 117360; 117377; 117384; 117391; 117308; 117315; 117322; 117339; 117346; 117452; 117469; 117476; 117483; 117490; 117407; 117223; 117230; 117247; 117353; 075028		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
72	Vít khóa xương xốp, ren toàn phần	6.5 Locking Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	117551; 118794; 118800; 118817; 118824; 117506; 117568; 117575; 117582; 117599; 117605; 117612; 117629; 117636; 117643;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			117414; 117421; 117438; 117445; 075035		TICARET LTD.ŞTI		
73	Vít khóa xương xốp rỗng nòng, ren bán phần	6.5 Locking Cannulated Cancellous Screw, 32 Threaded, Titanium	071709; 071716; 071723; 071730; 071747; 071754; 071761; 071778; 071785; 071792; 071808; 071815; 071822; 071839; 071846; 071853; 071860; 071877; 071884; 071891		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMİR	TURKEY
74	Vít khóa xương xốp ren toàn phần	4.0 Pelvic Locking Small Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	384366; 384373; 384380; 384397; 384403; 384410; 384427; 384434; 384441; 384458; 384465; 384472; 384489; 384496; 384502; 384519		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMİR	TURKEY
75	Vít khóa xương xốp, ren toàn phần	4.0 Pelvic Locking Small Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	384526; 384533; 384540; 384557; 384564; 384571; 384588; 384595		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMİR	TURKEY
76	Vít khóa xương cứng rỗng nòng, tự taro	4.0 Pelvic Locking Cannulated Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	228790; 228806; 228813; 228820; 228837; 228844; 228851; 228868; 368311; 368328; 368335; 368342; 368359; 368366; 368373; 368380; 368397; 368403;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			368410; 368427; 368434; 368441; 368458; 368465		LTD.ŞTI		
77	Vít khóa xương xốp rỗng nòng, ren toàn phần	4.0 Pelvic Locking Cannulated Small Cancellous Screw, Full Threaded, Titanium	384601; 384618; 384625; 384632; 384649; 384656; 384663; 384670; 384687; 384694; 384700; 384717; 384724; 384731; 384748; 384755; 384762; 384779; 384786; 384793; 384809; 384816; 384823; 384830		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
78	Vít khóa	Locking Bolt, Titanium	072188; 072164		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
79	Vít khóa	Locking Bolt With Tendon Hole, Titanium	118923; 118916		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
80	Vít khóa xương cứng Cortex	2.0 Locking Cortex Screw, Titanium	340140		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TICARET LTD.ŞTI		
81	Vòng đệm vít	Screw Washer, Titanium	074014; 445593; 070696; 124030; 070719		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
82	Nẹp khóa xương bản nhỏ	3.5 Locking Small Fragment Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	113676; 113683; 113690; 113706; 113713; 113720; 113737; 113744; 113621; 113638; 113645; 113652; 113669		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
83	Nẹp khóa xương bản nhỏ	3.5 Locking Small Fragment Plate, Titanium	118466; 113508; 113560; 113577; 113584; 113591; 113607; 113614; 113447; 113553; 118435; 118442; 118459		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
84	Nẹp khóa xương bản mỏng hẹp	3.5 Locking Thin Narrow Plate, Titanium	112907; 112914; 112921; 112938; 112945; 112952; 112969; 112976; 112877; 112884; 112891		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
85							

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	Nẹp khóa lồng máng 1/3	3.5 Locking One Third Tubular Plate, Titanium	113355; 113362; 113379; 113386; 113393; 113300; 113317; 113324; 113225; 113232; 113249		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
86	Nẹp khóa mắt xích thẳng	3.5 Locking Straight Reconstruction Plate, Titanium	113096; 113003; 113010; 113027; 113034; 113041; 112983; 112990; 118381; 118398; 118404; 118411; 118428; 113058; 113065; 113072; 113089		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
87	Nẹp khóa mắt xích cong	3.5 Locking Curved Reconstruction Plate, Titanium	074861; 074878; 074885; 074892; 074908; 074915; 074922; 074939; 074946		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
88	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic Rim Plate, Titanium	104131; 104148; 104155; 104162; 104179; 104186; 104193; 104209		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
89	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic J Plate, Titanium	104018; 104025; 104032; 104049; 104056; 104063; 104070; 104087; 104094;		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			104100; 104117; 104124		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
90	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic Straight Plate, Titanium	103868; 103875; 103882; 103899; 103905; 103912		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
91	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic Curved Plate, Titanium	103929; 103936; 103943; 103950; 103967; 103974		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
92	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic Acetabular Spring Plate, Titanium	103981; 103998; 104001		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
93	Nẹp khóa mắt xích	3.5 Locking Reconstruction Pelvic Compression Pubic Symphysis Plate, Titanium	104230; 104247		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
94	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	3.5 Locking Proximal Humerus Plate (PHILOS), Titanium	029670; 115106; 115113; 115120; 115137; 115144; 126294; 126300; 126317; 126324; 126331; 048428; 087410; 087427; 087434; 087441; 087458; 087465; 087472; 087489; 087496; 087502; 087519		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
95	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	3.5 Locking Proximal Humerus Plate, Titanium	086017; 086024; 086031; 086048; 086055; 086062; 086079; 086086; 086093; 086109; 086116; 047254; 083726; 083733; 083740; 083757; 083764; 083771; 083788; 083795; 083801; 083818		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
96	Nẹp khóa mặt trong mỏm trên lồi cầu xương cánh tay	3.5 Locking Medial Epicondylar Distal Humerus Plate, Titanium	128083; 128090; 128106; 128113; 128120; 128137; 128144; 128151; 128168; 128175; 128182; 128199; 128205; 128212		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
97	Nẹp khóa mặt ngoài mỏm trên lồi cầu xương cánh tay	3.5 Locking Lateral Epicondylar Distal Humerus Plate, Titanium	128229; 128236; 128243; 128250; 128267; 128274; 128281; 128298; 128304; 128311; 128328; 128335; 128342; 128359		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TICARET LTD.ŞTI		
98	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	3.5 Locking Distal Humerus Plate, Titanium	123767; 123774; 123781; 123798; 123804; 123811; 123828; 123835; 123842; 123859; 123866; 123873; 123880; 123897		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
99	Nẹp khóa mỏm khuỷu xương trụ	3.5 Locking Olegranon Plate, Titanium	445609; 127949; 127956; 127963; 127970; 127987; 127994; 128007; 445616; 128014; 128021; 128038; 128045; 128052; 128069; 128076		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
100	Nẹp khóa mỏm khuỷu xương trụ	3.5 Locking Hook Olegranon Plate Titanium	048237; 048244; 048251; 048268; 048275; 048282; 048299; 048305		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
101	Nẹp khóa chỏm xương quay	3.5 Locking Radius Head Plate, Titanium	029595; 029601		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
102							

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	Nẹp khóa cố định khớp cổ tay	3.5 Locking Wrist Arthrodesis Plate, Titanium	133070		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
103	Nẹp khóa chữ T	3.5 Locking Small T Plate, Titanium, (2 Holes in Head)	115779; 115786; 115793; 115809; 115816; 115823; 115830		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
104	Nẹp khóa chữ T	3.5 Locking Small T Plate, Titanium, (3 Holes in Head)	115847; 115854; 115861; 115878; 115885; 115892; 115908		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
105	Nẹp khóa chữ T	3.5 Locking Small T Plate, Oblique Angled, Titanium	116097; 116004; 116011; 116028; 116035; 116042; 116158; 118671; 118688; 118695; 116059; 116066; 116073; 116080		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
106	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	3.5 Locking Standard Dorsal Distal Radius Plate, Titanium	074021; 074038; 074045; 074052; 074069; 074076; 074083; 074090; 074106;		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			074113; 074120; 074137		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
107	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	3.5 Locking Wide Dorsal Distal Radius Plate, Titanium	074144; 074151; 074168; 074175; 074182; 074199; 074205; 074212; 074229; 074236; 074243; 074250		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
108	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng	3.5 Locking Volar Plate, Titanium, Small	119135; 119142; 119159; 119166; 119173; 119180; 119197; 119203; 119210; 119227; 119234; 119241		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
109	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng	3.5 Locking Volar Plate, Titanium, Medium	119258; 119265; 119272; 119289; 119296; 119302; 119319; 119326; 119333; 119340; 119357; 119364		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
110	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng	3.5 Locking Volar Plate, Titanium, Large	119371; 119388; 119395; 119401; 119418; 119425; 119432; 119449; 119456; 119463; 119470; 119487		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
111	Nẹp khóa xương đòn	3.5 Locking Clavicle Plate, Titanium	120049; 121466; 120056; 029724; 120063; 120070; 120087; 121473; 120094; 029731; 120100; 120117		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
112	Nẹp khóa móc xương đòn	3.5 Locking Clavicle Hook Plate, Titanium	172529; 172536; 172543; 172550; 172567; 172574; 172581; 172598; 172604; 172611; 172628; 172635		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
113	Nẹp khóa xương đòn	3.5 Locking Anatomic Clavicle Plate (Chain Type), Titanium	029700; 172369; 172376; 172383; 172390; 172406; 172413; 172420; 172437; 029694; 172444; 172451; 172468; 172475; 172482; 172499; 172505; 172512		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
114	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	3.5 Locking Distal Clavicle Plate, Titanium	048213; 045342; 045595; 045359; 045601; 045366; 048220; 045373; 045656; 045380; 045663; 045397		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
115	Nẹp khóa góc 90°	90° Angled Locking Infant	130529; 086536; 130536;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		Hip Plate, Titanium	039112; 130543; 130550; 130567		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	
116	Nẹp khóa góc 100°	3.5 / 3.5 Locking 100° Angled Varus Plate, Titanium	028840		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
117	Nẹp khóa góc 110°	3.5 / 3.5 Locking 110° Angled Varus Plate, Titanium	017257; 084525		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
118	Nẹp khóa góc 130°	3.5 / 3.5 Locking 130° Angled Varus Plate, Titanium	084150; 084556		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
119	Nẹp khóa góc 140°	3.5 / 3.5 Locking 140° Angled Valgus Plate, Titanium	084617		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYI TICARET LTD.ŞTI		
120	Nẹp khóa góc 150°	3.5 / 3.5 Locking 150° Angled Valgus Plate, Titanium	017264; 084587		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
121	Nẹp khóa đầu trên xương chày	3.5 Locking LCP Posteromedial Proximal Tibia Plate, Titanium	246633; 246640; 246657; 246664; 246671; 246688; 246695; 246701; 246718; 246725		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
122	Nẹp khóa đầu trên xương chày	3.5 Locking Lateral Proximal Tibia Plate LCP, Titanium	247012; 247029; 247036; 247043; 247050; 247067; 247074; 247081; 247098; 247104; 247111; 247128; 247135; 247142		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
123	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	3.5 Locking Distal Medial Tibia Compression Plate, Titanium	171744; 171768; 171782; 171805; 029946; 082729; 083115; 171812; 171836; 171850; 171874; 029953; 082767; 083122		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
124	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	3.5 Locking LCP Anterolateral Distal Tibia Plate, Titanium	246732; 246749; 246756; 246763; 246770; 246787; 246794; 246800; 246817; 246824; 246831; 246848; 246855; 246862; 246879; 246886; 246893; 246909; 246916; 246923; 246930; 246947; 246954; 246961; 246978; 246985; 246992; 247005		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
125	Nẹp khóa Pilon đầu dưới xương chày	3.5 Locking Pilon Plate, Titanium	125600; 125617; 125624; 125631; 125648; 125655; 125662; 125679		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
126	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	3.5 Locking Distal Lateral Fibula Plate, Titanium	125686; 125693; 125709; 125716; 125723; 125730; 125747; 125754; 125761; 125778; 125785; 125792; 125808; 125815; 125822; 125839		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
127	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	3.5 / 2.7 Locking Distal Lateral Fibula Plate, Titanium	510802; 510819; 510826; 510833; 510840; 510857; 510864; 510871; 510888; 510895; 510901; 510918; 510925; 510932; 510949; 510956		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
128	Nẹp khóa xương gót chân	3.5 Locking Calcaneal Plate, Titanium, Opened	121480; 121428; 121275; 121411; 121435; 048411		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
129	Nẹp khóa xương gót chân	3.5 Locking Calcaneal Plate, Titanium, Closed	048312; 048329; 048336; 048343; 048350; 048367		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
130	Nẹp khóa chỉnh vẹo xương ngón cái Hallux Valgus	Titanium Locking Hallux - Valgus L Plate	086444; 103653; 103660; 103677; 103684; 103691; 103707; 103714		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
131	Nẹp khóa chỉnh vẹo xương ngón cái Hallux Valgus	Titanium Locking Hallux - Valgus Oblique L Plate	103721; 103738; 103745; 103752; 103769; 103776		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
132	Nẹp khóa chỉnh vẹo xương ngón cái Hallux Valgus	Titanium Locking Hallux - Valgus Double T Plate	103783; 103790; 103806; 103813; 103820; 103837; 103844; 103851		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
133	Nẹp xương bàn chân	2.7 1st Metatarsal Fusion Plate, Titanium	084044		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
134	Nẹp xương bàn chân	3.5/2.7 1st Metatarsal Fusion Plate, Titanium	084051		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
135	Nẹp khóa thẳng	Locking Straight Plate, 2.0, Titanium	199298; 199281; 199274; 199267		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
136	Nẹp khóa thẳng	Locking Straight Plate Spaced, 2.0, Titanium	199250; 199243		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
137	Nẹp khóa chữ T	Locking T Plate, 2.0, Titanium	199229		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
138	Nẹp khóa chữ T	Locking T Plate, Titanium	199236; 199212; 199205; 199182		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
139	Nẹp khóa chữ T	Locking T Plate Spaced, 2.0, Titanium	199199		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
140	Nẹp khóa chữ Y	Locking Y Plate, 2.0, Titanium	308317; 199151		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
141	Nẹp khóa chữ Y	Locking Y Plate, Titanium	199144; 199120		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	
142	Nẹp khóa chữ Y	Locking Y Plate Spaced, 2.0, Titanium	199113		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
143	Nẹp khóa chữ L	Locking L Plate, 2.0, Titanium	199397; 199403		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
144	Nẹp khóa chữ L	Locking L Plate, Titanium	199359; 199366		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
145	Nẹp khóa chữ L	Locking L Plate, Titanium, Angled	199373; 199380; 199335; 199342		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYI TICARET LTD.ŞTI		
146	Nẹp khóa chữ T	Locking Double T Plate, 2.0, Titanium	199106		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
147	Nẹp khóa chữ Y	Locking Double Y Plate, 2.0, Titanium	199090		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
148	Nẹp khóa chữ Y	Locking Double Y Plate Spaced, 2.0, Titanium	199083		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
149	Nẹp xương dạng cong	Locking Curved Plate, Titanium	199328; 199311; 199304		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
150	Nẹp bản rộng	4.5 Broad Plate, DCP Type Holes, Titanium	120445; 120452; 120469; 120476; 120483; 120490; 120506; 120513; 120520; 120537; 120544; 120551; 120568; 120575; 120582; 120599		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
151	Nẹp bản rộng	4.5 Broad Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	120605; 120612; 120629; 120636; 120643; 120650; 120667; 120674; 120681; 120698; 120704; 120711; 120728; 120735; 120742; 120759		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
152	Nẹp bản hẹp	4.5 Narrow Plate, DCP Type Holes, Titanium	120124; 120131; 120148; 120155; 120162; 120179; 120186; 120193; 120209; 120216; 120223; 120230; 120247; 120254; 120261; 120278		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
153	Nẹp bản hẹp	4.5 Narrow Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	120285; 120292; 120308; 120315; 120322; 120339; 120346; 120353; 120360; 120377; 120384; 120391; 120407; 120414; 120421; 120438		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
154	Nẹp xương bản nhỏ	3.5 Small Fragment Plate, DCP Type Holes, Titanium	120872; 120889; 120896; 120902; 120919; 120926; 120933; 120940; 166504;		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			120957; 120964; 166511; 166528		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
155	Nẹp xương bản nhỏ	3.5 Small Fragment Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	120971; 120988; 120995; 121008; 121039; 121046; 121053; 121060; 121077; 121084; 121091; 166481; 166498		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
156	Nẹp xương bản nhỏ	2.7 Small Fragment DCP Plate, Titanium	159612; 159629; 159636; 159643; 159650; 159667; 159674; 159681; 159698; 159704; 159711; 159728; 159735		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
157	Nẹp bản mỏng hẹp	3.5 Thin Narrow Plate, DCP Type Holes, Titanium	120766; 120773; 120780; 120797; 120803; 120810; 120827; 120834; 120841; 120858; 120865		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
158	Nẹp bản mỏng hẹp	4.5 Thin Narrow Plate, DCP Type Holes, Titanium	159506; 159513; 159520; 159537; 159544; 159551; 159568; 159575; 159582; 159599; 159605		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
159	Nẹp lòng máng 1/3	3.5 One Third Tubular Plate, Titanium	125020; 125037; 125044; 125051; 125068; 125075; 125082; 125099; 125105; 125112; 125129		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
160	Nẹp lòng máng 1/2	4.5 Semi Tubular Plate, Titanium	159858; 159865; 159872; 159889; 159896; 159902; 159919; 159926; 159933; 159940; 159957		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
161	Nẹp lòng máng 1/4	2.7 One - Quarter Tubular Plate, Titanium	159742; 159759; 159766; 159773; 159780; 159797; 159803; 159810; 159827; 159834; 159841		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
162	Nẹp mắt xích cong	3.5 Curved Reconstruction Plate, Titanium	023258; 023265; 023272; 023289; 023296; 023302; 023319; 023326		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
163	Nẹp mắt xích cong	4.5 Curved Reconstruction	023418; 023425; 023432;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		Plate, Titanium	023449; 023456; 023463; 023470; 023487; 135548		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	
164	Nẹp mắt xích thẳng	3.5 Straight Reconstruction Plate, Titanium	022664; 022671; 022688; 022695; 022701; 022718; 022725; 022732; 022749; 022756; 022763; 022770; 022787; 022794; 022800; 022817; 022824; 136972		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
165	Nẹp mắt xích thẳng	4.5 Straight Reconstruction Plate, Titanium	022329; 022336; 022343; 022350; 022367; 022374; 022381; 022398; 022404; 022411; 022428; 022435; 022442; 022459; 022466; 022473; 022480; 135524		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
166	Nẹp mắt xích thẳng	2.7 Straight Reconstruction Plate, Titanium	023005; 023012; 023029; 023036; 023043; 023050; 023067; 023074; 023081; 023098; 023104; 023111; 023128; 023135; 023142; 023159; 023166		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
167	Nẹp tái tạo chữ Y	3.5 Y Reconstruction Plate, Titanium	023500		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYI TICARET LTD.ŞTI		
168	Nẹp đầu trên xương cánh tay	4.5 Proximal Humerus Plate, Titanium	161738; 161745; 161752; 161769; 161776; 161783; 029229; 161790; 161806; 161813		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
169	Nẹp xương cánh tay chữ T	4.5 Humerus T - Plate, Titanium	162582; 162599; 162605; 166801; 162612; 162629; 162636; 166818		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
170	Nẹp xương	4.5 Cloverleaf Plate, Titanium	163206; 163213; 163220; 163237; 039891; 039907; 039914; 039921		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
171	Nẹp đầu dưới xương cánh tay	4.5 Distal Humerus Plate, Titanium	161820; 161837; 161844; 161851; 161868; 161875; 161882; 285113; 285120; 161912; 285137; 161936; 285144; 161950		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
172	Nẹp mỏm trên lồi cầu xương cánh tay	3.5 Humerus Epicondylar Plate, Titanium	162223; 162230; 162247; 162254; 162261; 162278; 162285; 162292		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
173	Nẹp chữ Y-Fork	4.5 Y - Fork Plate, Titanium	163008; 163015; 163022; 163039; 163046; 163053; 163060; 163077; 163084; 163091; 163107; 163114		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
174	Nẹp mỏm vẹt	3.5 Anatomic Coronoid Plate, Titanium	029564; 029571		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
175	Nẹp chữ T	3.5 Small T Plate, Right Angled, (2 Holes in Head), Titanium	163244; 163251; 163268; 163275; 163282; 163299; 163305		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
176	Nẹp chữ T	3.5 Small T Plate, Right Angled, (3 Holes in Head), Titanium	163312; 163329; 163336; 163343; 163350; 163367; 163374		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
177	Nẹp chữ T	3.5 Small T Plate, Right Angled, (4 Holes in Head), Titanium	163381; 163398; 163404; 163411; 163428; 163435; 163442		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
178	Nẹp chữ T	3.5 Small T Plate, Oblique Angled, Titanium	163565; 163572; 163589; 163596; 163602; 163619; 163626; 163497; 163503; 163510; 163527; 163534; 163541; 163558		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
179	Nẹp chữ T	3.5 Oblique Small T Plate, (Double Countersink), Titanium	166887; 166894; 166900; 166917; 048701; 048718		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
180	Nẹp đầu trên xương đùi	4.5 Proximal Femoral Plate, Titanium	167181; 161516; 161523; 161530; 161547; 161554; 161561; 161578; 161585; 161592; 161608; 161615; 167198; 486169; 161646; 161653; 161660; 161677;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			161684; 161691; 161707; 161714; 161721		LTD.ŞTI		
181	Nẹp móc	Hook Plate, Titanium	160076		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
182	Nẹp đầu dưới xương đùi	4.5 Distal Femoral Plate, Titanium	167228; 161295; 161301; 161318; 161325; 161332; 161349; 161356; 161363; 161370; 161387; 161394; 167235; 161400; 161417; 161424; 161431; 161448; 161455; 161462; 161479; 161486; 161493; 161509		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
183	Nẹp đỡ lồi cầu	4.5 Condylar Buttress DCP Plate, Titanium	161967; 161974; 161981; 161998; 162001; 162018; 162025; 162032; 162049; 162056; 162063; 162070; 162087; 162094; 162100; 162117		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
184	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Lateral Proximal Tibia Plate, Titanium	160632; 160649; 160656; 160663; 160670; 160687; 160694; 160700; 160717; 160724; 160731; 160748; 160755; 160762; 160779;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			160786; 160793; 160809; 160816; 160823; 160830; 160847		TICARET LTD.ŞTI		
185	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Medial Proximal Tibia Plate, Titanium	167105; 160854; 160861; 160878; 160885; 160892; 160908; 160915; 160922; 160939; 160946; 160953; 167112; 160960; 160977; 160984; 160991; 161004; 161011; 161028; 161035; 161042; 161059; 161066		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
186	Nẹp đầu trên xương chày	4.5 Lateral Head Tibia Proximal Plate, Titanium	167266; 161073; 161080; 161097; 161103; 161110; 161127; 161134; 161141; 161158; 161165; 161172; 167273; 161189; 161196; 161202; 161219; 161226; 161233; 161240; 161257; 161264; 161271; 161288		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
187	Nẹp chữ T	4.5 T Plate, Titanium	162308; 162315; 162322; 162339; 162346; 162353; 162360; 162377; 162384; 162391; 162407; 162414; 162421; 162438		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
188	Nẹp chữ T	4.5 T - Buttress Plate, Titanium	162445; 162452; 162469; 162476; 162483; 162490;		TIPMED TIBBI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			162506; 162513; 162520; 162537; 162544; 162551; 162568; 162575		MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	No:16 Bornova IZMIR	
189	Nẹp chữ L	4.5 L Plate, Titanium	162643; 162650; 162667; 162674; 162681; 162698; 162704; 162711; 162728; 162735; 162742; 162759		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
190	Nẹp chữ L	4.5 L - Buttress Plate, Titanium	162766; 162773; 162780; 162797; 162803; 162810; 162827; 162834; 162841; 162858; 162865; 162872; 162889; 162896; 162902; 162919; 162926; 162933; 162940; 162957; 162964; 162971; 162988; 162995		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
191	Nẹp xương chày	High Tibia Osteotomy Plate, Titanium	121107; 121114; 121121; 121138; 121145; 121152		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
192	Nẹp cỡ nhỏ	Small Osteotomy Plate, Titanium	028970; 028987; 028994; 029007; 029014		TIPMED TIBBI MEDIKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
193	Nẹp đầu dưới xương chày	4.5 Distal Tibia Plate, Titanium	160199; 160205; 160212; 160229; 160236; 160243; 160250; 160267; 160274; 160281; 160298; 167075; 160304; 160311; 160328; 160335; 160342; 160359; 160366; 160373; 160380; 160397; 160403		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
194	Nẹp đầu dưới xương chày	4.5 Fibular Distal Tibia Plate, Titanium	167143; 160410; 160427; 160434; 160441; 160458; 160465; 160472; 160489; 160496; 160502; 160519; 167150; 160526; 160533; 160540; 160557; 160564; 160571; 160588; 160595; 160601; 160618; 160625		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
195	Nẹp	4.5 Spoon Plate, (2 Holes in Head), Titanium	163121; 163138; 163145; 163152		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
196	Nẹp	4.5 Spoon Plate, (3 Holes in Head), Titanium	163169; 163176; 163183; 163190		TIPMED TIBBI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	No:16 Bornova IZMIR	
197	Nẹp thẳng	2.0 Straight Plate, Titanium	028413; 028420; 028437; 028444		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
198	Nẹp thẳng	2.0 Straight Plate Spaced, Titanium	028451; 028468; 029298		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
199	Nẹp chữ T	2.0 T Plate, Titanium	028475; 028482; 028499; 028536; 028543; 028505		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
200	Nẹp chữ T	2.0 T Plate Spaced, 2.0, Titanium	028512		TIPMED TIBBI MEDIKAL ÜRÜNLER SANAYI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TICARET LTD.ŞTI		
201	Nẹp chữ T	2.0 T Plate, Spaced, Titanium	028529		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
202	Nẹp chữ Y	2.0 Y Plate, Titanium	028574; 028550		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
203	Nẹp chữ Y	2.0 Y Plate, Spaced, Titanium	028598		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
204	Nẹp chữ Y	2.0 Y Plate, Titanium, 2*2 Holes	028567; 028581		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
205							

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	Nẹp chữ L	L Plate, 2.0, Titanium	028314; 028307		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
206	Nẹp chữ L	L Plate, Titanium	028352; 028345		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
207	Nẹp chữ L	L Plate, Titanium, Angled	028338; 028321; 028376; 028369		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
208	Nẹp chữ T	2.0 Double T Plate, Titanium	028604		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
209	Nẹp chữ T	2.0 Double T Plate, Spaced, Titanium	028635		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
210	Nẹp chữ Y	2.0 Double Y Plate, Titanium	028611		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
211	Nẹp chữ Y	2.0 Double Y Plate, Spaced, Titanium	028628		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
212	Nẹp cong	2.0 Curved Plate, Titanium	028383; 028390; 028406		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
213	Nẹp khóa nén ép bản rộng	4.5 Locking Broad Compression Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	112808; 112815; 112822; 112839; 112846; 112853; 112860; 112716; 112723; 112730; 112747; 112754; 112761; 112778; 112785; 112792		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
214	Nẹp khóa nén ép bản rộng	4.5 Locking Broad Compression Plate, Titanium	112648; 112655; 112662; 112679; 112686; 112693; 112709; 112501; 112563; 112570; 112587; 112594; 112600; 112617; 112624; 112631		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
215	Nẹp khóa nén ép bản hẹp	4.5 Locking Narrow Compression Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	112433; 112440; 112556; 118343; 118350; 118367; 118374; 112341; 112457; 112464; 112471; 112488; 112495; 112402; 112419; 112426		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
216	Nẹp khóa nén ép bản hẹp	4.5 Locking Narrow Compression Plate, Titanium	112372; 112389; 112396; 112303; 112310; 112327; 112334; 112280; 112297; 112204; 112211; 112228; 112235; 112242; 112358; 112365		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
217	Nẹp khóa mắt xích thẳng	4.5 Locking Straight Reconstruction Plate, Titanium	113263; 113270; 113287; 113294; 113201; 113218; 113157; 113164; 113171; 113188; 113195; 113102; 113119; 113126; 113133; 113140; 113256		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
218							

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	Nẹp khóa mắt xích cong	4.5 Locking Curved Reconstruction Plate, Titanium	074779; 074786; 074793; 074809; 074816; 074823; 074830; 074847; 074854		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
219	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	4.5 Locking Proximal Femoral Plate, Titanium	486220; 167549; 118602; 115052; 115069; 115076; 115083; 114987; 114994; 118565; 118572; 118589; 118596; 486237; 167556; 115151; 115168; 115175; 115182; 115199; 115090; 115007; 115014; 115021; 115038; 115045		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
220	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	4.5 Locking Proximal Femoral Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	130574; 130581; 130598; 130604; 130611; 130628; 130635; 130642; 130659; 130666; 130673; 130680; 130697; 130703; 130710; 130727; 130734; 130741; 130758; 130765; 130772; 130789		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
221	Nẹp móc khóa đầu trên xương đùi	4.5 Locking Proximal Femoral Hook Plate, Titanium	128366; 128373; 128380; 167419; 039143		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
222	Nẹp khóa DHS góc 135°	135° Angled Locking DHS Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	116561; 116578; 116585; 116592; 116608; 116615; 116622; 116639; 116424; 116431; 116448; 116554; 118701; 118718; 118725; 118732; 116509; 039129		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
223	Nẹp khóa DHS góc 135°	135° Angled Locking DHS Plate, Titanium	039174; 039181; 039198; 039204; 039211; 039228; 039235; 039242; 039259; 039266; 039273; 039280; 039297; 039303; 039310; 039327; 039334		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
224	Vít chốt DHS & DCS	DHS & DCS Lag Screw, Titanium	118060; 118077; 118084; 118091; 118008; 118015; 118022; 118039; 118046; 118152; 118169; 118176; 118183; 059622; 059639		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
225	Vít nén ép DHS & DCS	DHS & DCS Compression Screw, Titanium	121718		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
226	Nẹp khóa DCS góc	95° Angled Locking DCS	122739; 121732; 116479;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	95°	Plate, Low Contact (LC-DCP) Plate, Titanium	116486; 116493; 116400; 116417; 116349; 166719; 116455; 166726; 116462; 166733; 039167		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	
227	Nẹp khóa DCS góc 95°	95° Angled Locking DCS Plate, Titanium	039839; 039341; 039358; 039365; 039372; 039389; 039396; 039402; 039747; 039419; 039754; 039426; 039761; 039433		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
228	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	4.5 Locking Distal Femoral Plate, Titanium	388678; 167563; 114826; 114833; 114840; 114857; 114864; 114765; 114772; 114789; 114796; 114802; 114819; 388685; 167570; 114932; 114949; 114956; 114963; 114970; 114871; 114888; 114895; 114901; 114918; 114925		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
229	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương đùi	4.5 Locking Distal Femoral Compression Plate, Titanium	174707; 174714; 174721; 174738; 174745; 174752; 174769; 174776; 174783; 174790; 174806; 174813; 174820; 174837; 174844; 174851; 174868; 174875; 174882; 174899; 174905; 174912		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
230	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	4.5 Locking Distal Femoral Plate, Low Contact (LC- DCP), Titanium	130307; 130314; 130321; 130338; 130345; 130352; 130369; 130376; 130383; 130390; 130406; 130413; 130420; 130437; 130444; 130451; 130468; 130475; 130482; 130499; 130505; 130512		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
231	Nẹp khóa nâng đỡ lồi cầu	4.5 Locking Condylar Buttress Plate, DCP Type Holes, Titanium	116127; 116134; 116141; 116257; 116264; 116271; 116103; 116110; 167310; 167327; 167334; 167341; 167358; 116202; 116219; 116226; 116233; 116240; 116356; 116288; 116295; 158462; 158479; 158486; 158493; 167402		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
232	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Locking Medial Proximal Tibia Plate, Titanium	084907; 167648; 114604; 114611; 114628; 114635; 114642; 118558; 114505; 114567; 114574; 114581; 114598; 084891; 167655; 114710; 114727; 114734; 114741; 114758; 114659; 409632; 409649; 114680; 409663; 114703		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
233	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Locking Medial Proximal Tibia Plate Low Contact (LC-DCP),	132165; 132172; 130109; 130116; 130123; 130130; 130147; 130154; 130161;		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		Titanium	130178; 130185; 130192; 130208; 130215; 130222; 130239; 130246; 130253; 130260; 130277; 130284; 130291		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
234	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Locking Lateral Proximal Tibia Plate, Titanium	167761; 167600; 114253; 114260; 114277; 114284; 114291; 114192; 114109; 114116; 114123; 114130; 114147; 167778; 167617; 114369; 114376; 114383; 114390; 114307; 114208; 114215; 114222; 114239; 114246; 114352		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
235	Nẹp khóa đầu trên xương chày	4.5 Locking Lateral Proximal Tibia Plate, Low Contact (LC-DCP), Titanium	129646; 129653; 129660; 129677; 129684; 129691; 129707; 129714; 129721; 129738; 129745; 129752; 129769; 129776; 129783; 129790; 129806; 129813; 129820; 129837; 129844; 129851		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
236	Nẹp khóa chữ L	4.5 Locking L Plate, Titanium	115465; 115472; 115489; 115496; 115403; 115410; 123149; 123156; 123163; 123170; 123187; 123194; 115427; 115434; 115441; 115557; 118619; 118626; 123200; 123217; 123224;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			123231; 123248; 123255				
237	Nẹp khóa nâng đỡ chữ L	4.5 Locking L Buttress Plate, Titanium	115588; 115595; 115601; 115618; 115625; 115632; 115649; 118633; 118640; 115502; 115564; 115571; 115700; 115717; 115724; 115731; 115748; 115755; 115762; 115656; 115663; 115670; 115687; 115694		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
238	Nẹp khóa chữ T	4.5 Locking T Plate, Titanium	115212; 115229; 115236; 115243; 115359; 115366; 115373; 115205; 167426; 167433; 167440; 167457		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
239	Nẹp khóa nâng đỡ chữ T	4.5 Locking T Buttress Plate, Titanium	115397; 115304; 115311; 115328; 115335; 115342; 115458; 115380; 167488; 167495; 167501; 167518		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
240	Nẹp khóa góc 100°	3.5 / 4.5 Locking 100° Angled Varus Plate, Titanium	084518		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
241	Nẹp khóa góc 110°	3.5 / 4.5 Locking 110° Angled Varus Plate, Titanium	084532; 084549		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
242	Nẹp khóa góc 130°	3.5 / 4.5 Locking 130° Angled Varus Plate, Titanium	084563; 084570		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
243	Nẹp khóa góc 140°	3.5 / 4.5 Locking 140° Angled Valgus Plate, Titanium	084624		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
244	Nẹp khóa góc 150°	3.5 / 4.5 Locking 150° Angled Valgus Plate, Titanium	084594; 084600		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
245	Nẹp khóa xương	4.5 Locking High Tibia	181446; 181453; 181460;		TIPMED	Kemalpaşa Mah.	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	chày	Osteotomy Plate, Titanium	181477; 181484; 181491		TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	
246	Nẹp khóa xương chày	4.5 Locking Medial High Tibial Osteotomy Plate, Titanium	185987; 086307		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
247	Vít	Kama Sabitleme Screw, Titanium	297123		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
248	Nẹp khóa xương chày	4.5 Locking Medial High Tibia Plate (For Osteotomy), Titanium	388692		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYİ TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY
249	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	4.5 Locking Distal Tibia Plate, Low Contact (LC- DCP), Titanium	129202; 129219; 129226; 129233; 129240; 129257; 129264; 129271; 129288; 129295; 129301; 129318;		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			129325; 129332; 129349; 129356; 129363; 129370; 129387; 129394; 129400; 129417		SANAYI TICARET LTD.ŞTI		
250	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	4.5 Locking Lateral Distal Tibia Plate, Titanium	167723; 135296; 135302; 135319; 135326; 135333; 135340; 135357; 135364; 135371; 135388; 135395; 167730; 135401; 135418; 135425; 135432; 135449; 135456; 135463; 135470; 135487; 135494; 135500		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
251	Nẹp DHS góc 135°	135° Angled DHS Plate, Titanium	037750; 037767; 037774; 037781; 037798; 037804; 037811; 037828; 037835; 037842; 037859; 037866; 037873; 037880; 037897; 037903; 037910		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
252	Nẹp DHS góc 140°	DHS Plate, 140° Angled, Titanium	165972; 165989; 165996; 166009; 166016; 166023; 166030; 166047; 166054; 166061; 166078; 166085; 166092; 166108; 166115; 166122; 166139		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
253	Nẹp DHS góc 145°	DHS Plate, 145° Angled, Titanium	166146; 166153; 166160; 166177; 166184; 166191; 166207; 166214; 166221;		TIPMED TIBBI MEDİKAL	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			166238; 166245; 166252; 166269; 166276; 166283; 166290; 166306		ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	IZMIR	
254	Nẹp DHS góc 150°	DHS Plate, 150° Angled, Titanium	166313; 166320; 166337; 166344; 166351; 166368; 166375; 166382; 166399; 166405; 166412; 166429; 166436; 166443; 166450; 166467; 166474		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
255	Nẹp ổn định mấu chuyển	Trochanter Stabilizing Plate, Titanium	086840; 029182		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
256	Nẹp DCS góc 95°	95° Angled DCS Plate, Titanium	038092; 039006; 039013; 039020; 039037; 039044; 039778; 039051; 039785; 039068; 039792; 039075		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
257	Vít	3.5 Cannulated Odontoid Screw, Titanium	090878; 090885; 090892; 084334; 084341; 090908; 084358; 084365; 090915; 084372; 084389; 090922; 090939; 090946; 090953		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					LTD.ŞTI		
258	Vít	4.0 Cannulated Odontoid Screw, Titanium	090960; 090977; 090984; 084396; 084402; 090991; 084419; 084426; 091004; 084433; 084440; 091011; 091028; 091035; 091042		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
259	Vít	4.5 Cannulated Odontoid Screw, Titanium	091059; 091066; 091073; 084457; 084464; 091080; 084471; 084488; 091097; 084495; 084501; 091103; 091110; 091127; 091134		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
260	Vít xương cứng tự taro	2.7 Small Cortical Screw, Self Tapping, Titanium	490012; 490029; 490036; 490043; 490050; 490067; 490074; 490081; 490098; 490104; 490111; 490128; 490135; 490142; 490159; 490166		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY
261	Vít xương cứng tự taro	3.5 Small Cortical Screw, Pitch 1.25, Self Tapping, Titanium	490173; 490180; 490197; 490203; 490210; 490227; 490234; 490241; 490258; 490265; 490272; 490289; 490296; 490302; 490319; 490326; 490333; 490340; 490357; 490364; 490371; 490388; 490395; 490401; 490418; 190425; 490432		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TICARET LTD.ŞTI	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova IZMIR	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
262	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	4.5 Locking Distal Tibia Plate, Titanium	167686; 113812; 113829; 113836; 113843; 113850; 113751; 113768; 113775; 113782; 113799; 113805; 167693; 113928; 113935; 113942; 113959; 113966; 113867; 113874; 113881; 113898; 113904; 113911		TIPMED TIBBI MEDİKAL ÜRÜNLER SANAYI TİCARET LTD.ŞTİ	Kemalpaşa Mah. 7401/1 Sokak No:16 Bornova İZMİR	TURKEY